TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6-CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-9-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Duy Tân.

Ông Lê Hoàng Điệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Anh Thư là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 6-Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý– Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2025/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn*:* Chị Võ Thị Thu M, sinh ngày: 09/11/1968; căn cước: 094168011624; Địa chỉ: Số 24/3, đường Đ, khóm N, phường P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Quốc T; sinh năm: 1957; CMND: 365047557; Địa chỉ: ấp X, xã M, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 6 năm 2025 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Thu M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Chị Võ Thị Thu M và anh Trần Quốc T chung sống với nhau vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn vào ngày 28/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hương, thành phố Cần Thơ). Sau khi kết hôn thì anh chị sinh sống tại số 24/3, đường Đề Thám, khóm 7, phường 1, thành phố Sóc Trăng, tỉnh

Sóc Trăng (nay Số 24/3, đường Đ, khóm N, phường P, thành phố Cần Thơ), thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng anh chị sống rất vui vẻ, hạnh phúc, nhưng về sau giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, không chăm lo cho gia đình. Khi mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh chị đã quyết định sống ly thân và anh chị sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 đến nay. Chị M nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, hiện nay vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai nên Chị Myêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với anh Trần Quốc T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Võ Thị Thu M và anh Trần Quốc T có 02 (hai) người con chung là Trần Trung N (sinh ngày 09/12/2005) và Trần Thanh T (sinh ngày 19/5/2007). Hiện nay các con chung đều đủ 18 (mười tám) tuổi có công việc làm ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Võ Thị Thu M tự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Võ Thị Thu M tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Quốc T: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của nguyên đơn chị Võ Thị Thu M tại Thông báo thụ lý vụ án số: 123/TB-TLVA, ngày 05 tháng 6 năm 2025 và đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Trần Quốc T, cũng như đã triệu tập hợp lệ anh Trần Quốc T đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng anh Trần Quốc T đều không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau đó, Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Trần Quốc T nhưng anh Trần Quốc T không gửi văn bản ghi ý kiến của anh Trần Quốc T đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của chị Võ Thị Thu M.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ trình bày ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Thu M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Võ Thị Thu M vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay Toà án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ) nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Thu M cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn chị Võ Thị Thu M nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Thu M và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Võ Thị Thu M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và bị đơn anh Trần Quốc T; có địa chỉ tại ấp Xóm Lớn, xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay ấp Xóm Lớn, xã Mỹ Hương, thành phố Cần Thơ). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, Đối thoại tại Toà án ngày 25 tháng 6 năm 2025. Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay Toà án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ) thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Thu M và anh Trần Quốc T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn đúng theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống theo Chị Mtrình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do vợ chồng tính tình không phù hợp, anh T thường xuyên cờ bạc, không chăm lo gia đình từ đó dẫn đến vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vã. Tòa án có mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ triệu tập anh T tham dự nhưng anh T đều vắng mặt.

Trong quá trình chung sống theo Chị M trình do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do vợ chồng tính tình không phù hợp, không chăm lo gia đình từ đó dẫn đến vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vã. Chị M và anh T đã sống ly thân tháng 01 năm 2023 đến nay. Khi xảy ra mâu thuẫn thì Chị M và anh T đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành và vợ chồng tiếp tục xảy ra

mâu thuẫn. Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị M vẫn cương quyết xin ly hôn với anh Trần Quốc T. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa Chị Mvà anh T đã đến mức trầm trọng, hiện nay Chị M và anh T không còn sống chung với nhau như vợ chồng, không còn thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Thu M.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn chị Võ Thị Thu M tự khai có 02 (hai) người con chung là Trần Trung N (sinh ngày 09/12/2005) và Trần Thanh T (sinh ngày 19/5/2007). Hiện nay cháu Nghĩa và cháu Tuyền đều đã đủ 18 (mười tám) tuổi và có công việc làm ổn định, không yêu cầu Tòa án quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn chị Võ Thị Thu M tự khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên như đã nhận định nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Võ Thị Thu M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, Đối thoại tại Toà án ngày 25 tháng 6 năm 2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Thu M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Thu M được ly hôn với anh Trần Quốc T.

2. Về con chung: Chị Võ Thị Thu M tự khai có 02 (hai) người con chung là Trần Trung N (sinh ngày 09/12/2005) và Trần Thanh T (sinh ngày 19/5/2007). Hiện nay các con chung đều đủ 18 (mười tám) tuổi có công việc làm ổn định, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Võ Thị Thu M tự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Võ Thị Thu M tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Võ Thị Thu M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay Phòng thi hành án dân sự khu vực 6, Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007645 ngày 02 tháng 6 năm 2025, chị Võ Thị Thu M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Nguyên đơn; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 6-Cần Thơ;
- Phòng THAKV6, THADS TPCT;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Hương, TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hồng